A.21 Kinh Phạm Động

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

21. KINH PHẠM ĐỘNG Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo du hành tại nước Ma-kiệt-đà. Sau khi du hóa nhân gian, đức Phật đến xóm Trúc, nghỉ tại Vương Đường. Lúc đó, có vi Phạm chí tên là Thiện Niệm cùng với đệ tử tên Phạm-ma- dạt, hai thầy trò thường cùng đi theo sau đức Phật. Phạm chí Thiện Niệm dùng vô so phương tiện hủy báng đức Phật và chúng Tỳ-kheo-tăng; còn đệ tử của ông là Phạm-ma-đạt? lại dùng vô số phương tiện tán thán đức Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo-tăng. Hai thầy trò mang hai tâm trạng khác nhau, mâu thuẫn lẫn nhau. Tại sao như thế? Đó là do vì mỗi người có tập quán, kiến giải, thân cận khác nhau. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-kheo sau khi khất thực xong, về nhóm họp tại giảng đuỳng bàn tán rằng: "Kỳ lạ thay! Đức Thế Tôn có đại thần lực, đầy đủ oai đức, biết hết mọi tâm hướng của chúng sanh, lại có hai thầy trò là Phạm chí Thiện Niệm và Phạm-ma-đạt cùng đi theo sau đức Phật và chúng Tăng. Phạm chí Thiện Niệm dùng đủ cách mà hủy báng đức Phật, Pháp và chúng Tăng, còn đệ tử là Phạm-ma-đạt lại dùng đủ cách mà khen ngợi đức Phật, Pháp và chúng Tăng. Vì hai thầy trò có tâm trạng, kiến giải, tập quán và thân cận khác nhau v' Đức Thế Tôn đang ở trong tịnh thất, với thiên nhĩ thanh tịnh nghe xa hơn người, nghe các Tỳ-kheo bàn luận như thê, Ngài rời khỏi tinh thát đi đên giảng đường, ngôi trước đại chúng, tuy đã biêt nhưng Ngài vân hỏi: Này các Tỳ-kheo9 vì lý do gì các ông nhóm họp tại đây và bàn luận những gì? Các Tỳ-kheo bạch đức Phật rằng: Chúng con, sau khi khất thực về, họp ở giảng đường này, cùng nhau bàn luận rằng: "Thật kỳ lạ! Đức Như Lai có đại thần lực, đầy đủ oai đức, biết hết mọi tâm hướng của chúng sanh nhưng hôm nay Thiện Niệm Phạm chí cùng đệ tử là Phạm-ma-đạt đi theo sau đức Phật và chúng Tăng. Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng đức Phật, Pháp và chúng Tăng. Trái lại, đệ tử là Phạm-ma-đạt lại dùng vô số phương tiện tán thán đức Phật, Pháp và chúng Tăng. Vì sao thế? Bởi tâm trạng, kiến giải, tập quán và thân cận khác nhau vay" nên chúng con nhóm họp ở giảng đường và bàn luận sự việc như trên.

288 KINH TRƯỜNG A-HÀM

LÚC bấy giờ, đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, nếu có người hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và chúng Tăng, các ông không được sanh tâm oán giận hay có ác ý đối với họ. Tại sao như vậy? Vì nếu có người hủy báng Ta, Pháp và chúng Tăng mà các ông sanh lòng oán giận hay có ác ý5 tự các ông đã bị sa đọa. Bởi vậy, các ông chớ có sanh lòng oán giận hay có ác ý đối với họ. Này các Tỳ-kheo, nếu có người ca ngợi đức Phật, Pháp và chúng Tăng, các ông cũng chớ lấy đó làm điều vui mừng hãnh diện. Tại sao như vậy? Vì nếu các ông sanh tâm vui mừng liền bị sa đọa. Do đó, các ông không nên vui mừng. Tại sao thế? Vì đó chỉ là các duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học, không hiểu được nghĩa lý sâu xa, dựa vào chỗ thấy biết đó để khen ngợi. Thế nào là những duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học, dựa vào chỗ thấy biết đó để khen ngợi? Chẳng hạn như họ khen ngợi: C6Sa-môn Cù-đàm đã dứt trừ nghiệp sát, rời bỏ dao gậy, có tâm tàm quý, thương xót tất

cả chúng sanh.” Đó là những duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học dựa vào đó để khen ngợi Như Lai. Hoặc họ khen ngợi: "Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ trộm cắp, không có tâm trộm căp; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ dâm dục, tinh tu Phạm hạnh, giữ giới hoàn toàn, không hành dâm dục, việc làm thanh khiết; Sa-môn Cù-đàm dứt hẳn nghiệp nói dối, nói lời chí thành, nói lời chân thật, không dối gạt người; Sa- môn Cù-đàm đã từ bỏ nói hai lưỡi, không đem lời người này đen phá roi kẻ kia, không đem lời người kia đến phá rối người này, gặp kẻ tranh cãi có thể làm cho họ hòa thuận, kẻ đã hòa thuận thì làm cho họ vui thêm, nói ra lời gì cũng muốn đem lại sự hòa thuận, trong tâm thành thật, lời nói phải lúc; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ lời độc ác. Những lời thô ác làm tổn thương người khác, làm tăng lên lòng oán ghét, thù hận. Những lời thô ác này không bao giờ nói, chỉ nói lời lành làm vui đẹp lòng người, ai cũng ưa nghe không chán, chỉ nói những lời như thế; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ lời nói thêm bớt, chỉ nói lời phải lúc, thành thật, có lợi ích, đúng Pháp, đúng Luật, ngăn ngừa sai quây, chỉ nói những lời như thê; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ uông rượu, không trang sức hương hoa, không xem ca múa, không ngồi giường cao, không ăn phi thời, không giữ vàng bạc, không có vợ con, tớ trai tớ gái, không nuôi voi, ngựa, heo, dê, gà, chó và các loài chim, loài thú, không chứa tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, không chứa ruộng, nhà, không gieo trông ngũ cóc, không dùng năm tay đánh lộn với người, không dùng cân đấu lường gạt, không mua bán khoán ước đoán đương, không nhận chịu nợ nần sanh lời vô cớ, cũng không âm mưu trước mặt khác sau lưng, không đi phi thời, vì nuôi thân mạng lường sức mà ăn, đi đên chô nào thì y bát mang theo như chim bay không rời hai cánh.,, Những lời như vậy, cũng chỉ là duyên cớ nhỏ về sự trì giới mà hàng phàm phu ít học nương lấy để khen ngợi Như Lai.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 289

Hoặc họ khen ngợi theo sự so sánh như vầy: "Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh cúng dường tín thí, lại cầu cho nhiều hơn để cất chứa, không biết nhàm chán về y phục, ẩm thực; còn Sa-môn Cù-đàm không như vậy. Các Sa- môn5 Bà-la-môn khác tuy đã nhận lãnh vật thực do thí chủ cúng dường, vẫn còn lo mở mang sanh kê, gieo trông cây côi làm chô nương cho quỷ thân; còn Sa- môn Cù-đàm không làm việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác dầu đã nhận vật thực do thí chủ cúng dường, vẫn tìm đủ cách mong cầu lợi dưỡng, chứa ngà voi, tạp bảo ghế giường cao rộng, mền nệm, mùng màn, chăn chiếu, thêu dệt tốt đẹp; còn Sa-môn Cù-đàm không có việc đó. Các Sa-môn5 Bà-la-môn khác nhận lãnh cúng dường của tín thí, vẫn tìm đủ cách để tự trang sức, dùng dầu mỡ xoa mình, nước thơm tắm gội, bột thơm xông trớp, mùi thơm chải đầu, tóc cài hoa đẹp, mắt nhuộm sắc xanh, sửa mặt mày, xâu bông tai, soi gương trau chuốt, mang dép da quý, mặc áo trắng min, che lọng, cam phất lông, cờ hiệu trang nghiêm; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Sa-môn5 Bà-la-môn khác thì chuyên trò du hí, chơi cờ đánh bạc, tám lôi mười lôi, đên trăm ngàn lôi, dùng đủ cách chơi đe tự thỏa thích; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la- môn khác nhận sự cúng dường của tín thí nhưng chỉ nói lời vô ích, chướng đạo, hoặc luận bàn việc vua chúa, quân mã, chiến dấu, việc quan lại, bạn bè, xe ngựa ra vào, dạo chơi vườn nhà mát cho đên việc năm ngôi đi đứng của nữ nhân, việc y phục, ăn uông, thân thích, việc

xuông bê tìm châu báu; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn9 Bà-la-môn khác thọ dụng sự cúng dường của tín thí, lại dùng đủ cách mà làm việc tà mạng, dua nịnh và trau chuốt lời nói, xem tướng chê bai, lây lợi câu lợi; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn9 Bà-la-môn khác thọ dụng sự cúng dường của tín thí, lại cùng nhau tranh tụng, hoặc ở nhà mát trong vườn, hoặc ở ao tắm, hoặc ở trên nhà phân bua phải trái với nhau: 'Tôi biết kinh luật, còn ông không biết, tôi đi đường chánh, Ông đi đường tà, đem trước đê sau, lây sau đê trước, ta nhân nhục được, ông không nhẫn nhục được, ông nói điều gì đều không chánh đáng; nếu có nghi ngờ thì nên đến hỏi tôi, tôi đáp cho cả9; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác thọ dụng sự cúng dường của tín thí, lại tìm đủ cách làm thông sứ cho vua, cho đại thân của vua, cho Bà-la-môn, cư sĩ, đi từ đây đên kia, từ kia đến đây, đem tin chỗ này trao qua chỗ kia, đem tin chỗ kia trao qua chỗ này, hoặc tự làm, hoặc khiến người làm; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác thọ dụng sự cúng dường của tín thí, lại luyện tập chiến trận đấu tranh, đao trượng cung tên, chọi gà, chó, heo, dê, voi, ngựa, trâu, lạc đà, hoặc đấu tài trai gái, hoặc luyện các thứ tiếng, tiếng thổi, tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa, leo dây, lộn nhào, các trò vui chơi đều thường luyện tập; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm chướng ngại đạo pháp, nuôi sống băng tà mạng, như xem tướng trai gái, lành dữ, tốt xấu và tướng súc sanh để cầu lợi dưỡng; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn5 Bà-la-môn

khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như kêu gọi quỷ thần, hoặc sai đến, dùng nhiều cách làm người ta khiếp sợ, làm tụ lại, làm tan ra, làm cho kho, làm cho vui, làm an thai sanh sản, hoặc phù chú cho người hóa làm lừa, ngựa, hóa điếc, đui, câm, ngọng, hoặc hiện các kỹ thuật như vòng tay đứng ngó mặt trời, mặt trăng, làm các khổ hạnh để cầu lợi dưỡng; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi song bang tà mạng, hoặc chú đảo bệnh tật, cho người đọc ác chú, tụng thiện chú, làm thuốc thang, châm chích, chữa trị bệnh tật; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn5 Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng hoặc tụng chú nước lửa, chú quỷ, chú Sát-lợi? chú chim, chú chi tiết, chú an trạch, chú giải trừ lửa cháy, chuột cắn, hoặc tụng các loại sách đoán biết chết sống, tụng sách đoán mộng, xem tướng tay, tướng mặt, hoặc tụng sách thiên văn, tụng sách âm thanh; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng như xem thời tiết, đoán có mưa, không mua, được mùa, mất mùa, nhiều bệnh ít bệnh, khủng khiếp hay yên ổn, hoặc nói động đất, sao chổi, nguyệt thực, nhật thực, tinh thực hay không, rồi tùy chỗ xuất hiện mà đoán trước việc xảy ra; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn9 Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi song bằng tà mạng như hoặc nói nước này sẽ thắng, nước

kia sẽ bại, nước kia hơn, nước này thua, xem tướng kiết hung mà đoán việc thạnh suy; còn Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn không làm những việc d6." Này các Tỳ-kheo5 đó là những nhân duyên nhỏ nhặt về việc giữ giới luật mà hàng phàm phu ít học thường dựa vào đó đe tán thán Như Lai. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Còn có các pháp sâu xa vi diệu, chánh đại quang minh mà chỉ hàng đệ tử Hiền thánh mới lấy đó để tán thán Như Lai. Thế nào là các pháp sâu xa vi diệu, chánh đại quang minh mà hàng đệ tử Hiền thánh lấy đó để tán thán Như Lai? Có các Sa-môn, Bà-la-môndựa vao bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến, tự ý nêu lên vô số học thuyết. Tất cả đều bao gôm trong sáu mươi hai kiên giải. Bản kiêp bản kiên, mạt kiêp mạt kiên mà họ tự ý nêu lên vô sô học thuyêt đó, đêu không thê vượt ra ngoài sáu mươi hai kiên giải. Dù vì lý do gì mà các Sam6n, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến, tự ý nêu lên vô số học thuyết, đều bao gồm trong sáu mươi hai kiên giải, ngang băng, không thê vượt ra ngoài. Có các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, tự ý nêu lên vô sô học thuyêt, đêu bao gôm trong mười tám kiến giải. Tất cả học thuyết dựa vào bản kiếp bản kiến được họ tự ý nêu lên

đều không vượt ra ngoài mười tám kiến giải này. Dù vì lý do gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, tư ý nêu lên vô sô học thuyêt, đêu bao gồm trong mười tám kiến giải, ngang bằng, không thể vượt ra ngoài. Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương Thường luận: "Bản ngã và thê giới là thường t6íi" Chủ trương này bao gôm trong bôn kiên giải. Dựa vào bản kiếp bản kiến để chủ trương: uBản ngã và thế giới là thường t8n", đều bao gồm trong bốn kiến giải, ngang bằng, không vượt ra ngoài. Dù vì lý do gì mà các Sa-môn5 Bà-la-môn kia dựa vào bản kiêp bản kiên đê chủ trương Thường luận: "Bản ngã và thế giới là thường tồn,\ đều bao gồm trong bốn kiến giải này, không the vượt ra ngoài. Hoặc có các Sa-môn9 Bà-la-môn dùng nhiêu phương thức đê nhập đinh Y tam-muội, dùng Tâm tam-muội nhớ được hai mươi thành kiếp, hoại kiếp nên họ xướng lên rằng: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra là sai lầm." Tại sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều phương thức nhập định Ý tam-muội, nhờ định Tâm tam-muội nhớ lại hai mươi thành hoại kiêp, thây chúng sanh trong đó không thêm không bớt, thường tụ, không tán. Bởi vậy, ta biết: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra đều hư d6i." Đây là kiến giải thứ nhất. Một số Sa-môn9 Bà-la- môn nương nơi bản kiêp bản kiên bảo răng bản ngã và thê giới là thường tôn. Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Có những Sa-môn? Bà-la-môn dùng nhiều phương thức nhập định "Định nhờ định tâm này nhớ được bốn mươi thành kiếp, hoại kiếp mà xướng lên rằng: "Bản ngã và thế giới là thường tồn chỉ có đây là thực, ngoài ra đều hư d6i." Tại sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều phương thức nhập định "Định V", nhờ định tâm mà nhớ lại bốn mươi thành kiếp, hoại kiếp. Thấy chúng sanh trong đó không thêm, không bớt, thường tụ, không tán. Bởi vậy, ta biết: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư doi.^ Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, cho rằng bản ngã và thế giới là thường tồn. Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều phương thức nhập định "Định

y”, nhờ định tâm nhớ được tám mươi thành kiếp, hoại kiếp mà cho rằng: uBản ngã và thê giới là thường tôn, chỉ có đây là đúng ngoài ra đêu hư d6i." Tại sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều phương thức nhập định "Định y” nhờ đinh tâm nhớ lại tám mươi thành kiếp, hoại kiếp, thấy chúng sanh trong đó không thêm không bớt, thường tụ, không tán. Bởi vậy, ta biết: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp, bản kiến cho rằng "bản ngã và thế giới là thường t6ïi." Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Có những Sa-môn9 Bà-la-môn có trí hiểu tướng lanh lợi, giỏi quán sát, mới dùng trí đó làm phương tiện quán sát, cho rằng đó là chân lý. Do điều mình

thấy, điều mình biện luận mà chủ trương rằng: uBản ngã và thế giới là thường tồn.,, Đây là kiến giải thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến cho rằng: "Bản ngã và thế giới là thường tồn/9 Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Các Sa-môn5 Bà-la-môn này dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trương bản ngã và thê giới là thường tôn. Tát cả những chủ trương trên đêu bao gôm trong bôn kiên giải: "Ngã và thê giới là thường t6n", không vượt ra ngoài bôn kiên giải trên. Chỉ có Như Lai là biết chỗ thấy này, sự chấp này, sự giữ này và cũng biết sự báo ứng của sự việc ấy. Điều mà Như Lai biết còn vượt xa hơn thế, dù biết nhưng không chấp trước. Vì không châp trước nên được văng lăng, biêt được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của thọ và con đường xuất ly khỏi thọ. Dùng quán bình đẳng mà được Vô dư giải thoát cho nên gọi là Như Lai. Đó là sự quang minh của thậm thâm, vi diệu khác, khiến cho vị đệ tử Thánh hiền tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đấy là thế nào? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa là thường, một nửa là vô thuơng.” Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trươnẹ rằng bản ngã và thế giới một nửa là thường, một nửa là vô thường như vậy đêu bao gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Vào lúc kiếp này mới hình thành, có một số chúng sanh phước hết, mạng hết, hành hết, chết ở cõi trời Quang Âm rồi sanh vào cõi trời Không Phạm. Tại đây, họ sanh tâm ái trước, lại mong các chúng sanh khác sanh vào đây với họ. Những chúng sanh khác này cùng sanh lòng ái trước và mong như họ. Lại có các chúng sanh đã hết mạng, hết hành, hết phước, chết ở cõi trời Quang Âm mà sanh vào cõi trời Không Phạm. Những chúng sanh sanh ra đầu tiên này liền suy nghĩ: "Ta là vị Phạm, Đại Phạm ở cõi này; ta tự nhiên mà có, không có ai có thể tạo ra ta; ta biết hết ngàn thế giới nghĩa điển. Ta là tự tại? tôn quý nhất, có thể biến hóa vi diệu nhất. Ta là cha của chúng sanh, chỉ riêng ta có trước, còn các chúng sanh khác thì sanh sau. Các chúng sanh sanh sau này do ta tạo thành.,, Các chúng sanh sanh sau cũng nghĩ rằng: ấy là Đại Phạm, vị ấy tự sanh, chứ không phải do kẻ khác tạo ra5 vi ây biêt được ngàn thê giới nghĩa điên. Trong đó vị ấy tự tại, là bậc tôn quý nhất, có thể biến hóa vi diệu nhất, là cha của chúng sanh, chỉ riêng vị ấy có trước, về sau mới có chúng ta, chúng ta là các chúng sanh do vị ấy tạo ra." Những chúng sanh ở cõi Phạm thiên này, mạng và hành đã hết thì sanh vào thế gian. Những chúng sanh này dần dần khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập vào định "Định y”, do định tâm mà tự biết bổn sanh của mình, liền bảo rằng: uBậc Đại

Phạm thiên kia tự sanh ra, không do kẻ khác sanh ra, biết hết ngàn thế giới nghĩa điển. Trong đó, họ tự tại, là tôn quý nhất, biến hóa vi diệu nhất, là cha của chúng sanh, thường trụ, bất biến. Vi Phạm thiên ấy tạo ra chúng ta. Chúng ta là vô thường biến dịch, không tồn tại lâu. Vậy nên biết rằng: 'Bản ngã và thế giới một nửa là thường, một nửa là vô thường/ Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối?5 Đó là kiến giải thứ nhất.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 293

Một sô Sa-m6n, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên chủ trương luận thuyêt một nửa thường, một nửa vô thường đêu gôm trong bôn kiên giải không vượt ra ngoài. Hoặc có những chúng sanh thường say mê cuộc vui chơi cười cợt, lười biếng, thực hiện nhiều cuộc vui chơi cười cợt để tự vui thú. Trong khi họ vui chơi thỏa thích thì thân thể mệt mỏi nên thất niệm, do thất niệm nên mạng chung sanh xuông cõi nhân gian, dân dân khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Họ nhập vào định "Định y", nhờ đinh tâm mà biết được gốc sanh của minh, rồi bảo rằng: "Các chúng sanh kia nhờ tâm không say mê, cười giỡn nên được thường trú, bất biến ở tại đó, còn ta hay say mê, cười giỡn nên phải bị vô thường, biến dịch như thế này. Do vậy, ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường một nửa vô thường. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trương bản ngã và thế giới, một nửa thường một nửa vô thường. Như vậy đêu bao gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Có những chúng sanh vì mãi lo nhìn nhau nên bị thất niệm. Do đó, chết đi và sanh vào thế gian, dần dần khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập vào định "Đinh y", nhờ định tâm biết được bổn sanh mà nghĩ rằng: "Các chúng sanh kia nhờ không say mê ngó liếc nhau nên không thất niệm, được thường trú bất biến. Còn chúng ta do say mê ngó liếc nhau nên thất niệm nên phải chịu vô thường, biến dịch. Do vậy, ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường, một nửa vô thường, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư(tói." Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn? Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương: "Bản ngã và thế giới một nửa thường và một nửa vô thuơng." Như thế cũng gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn? Bà-la-môn nhờ trí hiêu biêt pháp tướng lanh lợi nên giỏi quán sát. Họ dùng trí đó để quán sát, rồi dùng trí của mình mà lập luận rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa thường, một nửa vô thường, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư doi.59 Đây là kiến giải thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa thường, một nửa vô thuơng." Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Các Sa-m6n, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: "Bản ngã và the giới một nửa thường, một nửa vô thuơng." Như thế đều bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới biêt chô kiên giải này, sự châp này, sự giữ này, cũng biêt báo ứng này. Điêu mà Như Lai biết còn vượt hơn thế nữa. Tuy biết nhưng đức Phật không chấp trước, do không chấp trước nên được tịch diệt biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của thọ và con đường xuất ly khỏi thọ. Đức Phật dùng sự quan sát bình đẳng nên được Vô dư giải thoát, cho nên gọi là Như Lai. Đó là sự quang minh của đại pháp sâu xa, vi diệu, khiến cho vị đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

Lại còn có những quang minh của đại pháp thậm thâm, vi diệu khác, khiến các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đó là gì? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: uBản ngã và thế giới là hữu biên, vô biên.,, Các Sa-môn, Bà- la-môn ấy dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương: "Bản ngã và thế giới là hữu biên, vô bien?9 Như vậy đều bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều cách để nhập vào định "Định y", nhờ định tâm quan sát thấy cõi thế gian này mà khởi lên biên tưởng. Họ cho rằng: uThế gian này là hữu biên. Chỉ đây là thực, ngoài ra đều hư dối. Vì sao thế? Vì ta dùng nhiều cách để nhập đinh "Định v", nhờ đinh tâm quan sát thấy cõi thế gian này là hữu biên. Do vậy, biết thế gian là hữu biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đây là kiên giải thứ nhát. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: "Ngã và thế gian là hữu biên." Như thê cũng gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều cách nhập định "Định ý'\ nhờ định tâm quan sát thế gian mà khởi lên vô biên tưởng. Họ bảo rằng: "Thế gian là vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối. Vì sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều cách để nhập vào định "Định y", nhờ định tâm mà quan sát thấy cõi thế gian này la vô biên, do vậy biết rằng thế gian là vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên mà khởi lên luận thuyêt chủ trương răng: "Ngã và thê giới là vô bien?9 Như thế đều gồm trong bốn kiến giải không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều cách để nhập vào định "Đinh ý'\ nhờ định tâm, quan sát thế gian thấy bên trên là hữu biên, còn bốn phương kia là vô biên. Họ bảo rằng: "Thế gian là hữu biên, vô biên. Chỉ đây là thật ngoài ra đều hư dối. Vì sao thế? Vì chính ta đã dùng nhiều cách để nhập vào đinh "Định y"nhờ đinh tâm quan sát, thấy phương trên là hữu biên, bốn phương là vô biên. Do vậy, ta biết rằng thế gian là hữu biên, là vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hu d6i." Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: "Ngỗi và thế giới là hữu biên, vô biOn." Như vậy cũng bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn nhờ trí hiêu biêt pháp tướng lanh lợi nên giỏi quan sát roi dùng trí của mình mà lập luận răng: "Bản ngã và thê gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đây là kiến giải thứ tư. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiến mà khởi luận thuyết chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới là hữu biên, vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Như thế cũng bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên

luận thuyết chủ trương rằng: "Bản ngã và thế gian là hữu biên, vô biên.,^ Như thế bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới biết rõ chỗ kiến giải này: Nắm giữ như vậy, chấp như vậy, cũng biết được báo ứng như vậy. Điều mà Như Lai biết được còn vượt xa hơn nữa. Tuy biết mà không chấp trước, không chấp trước

nên được tịch diệt, biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của thọ và sự xuất ly khỏi thọ, cho nên gọi là Như Lai. Đó là sự quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu, khiến đệ tử Hiên thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đăng. Lại có sự quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu, khiến đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đó là gì? Có những Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà hỏi đáp khác nhau. Mỗi khi hỏi thì hỏi khác nhau đáp khác nhau. Tất cả đều bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà hỏi, đáp khác nhau. Tất cả đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có Sa-môn5 Bà-la-môn có lập luận, có kiến giải như thế này: “Ta không biết thiện ác có báo ứng hay không có báo ứng. Vì ta không thấy, không biết nên bảo rằng: 'Thiện ác có báo ứng chăng? Oông có báo ứng chăng?9 Thế gian có Sa-môn9 Bà-la-môn, học rộng nghe nhiều, thông minh trí tuệ, thường vui nhàn tịnh, biện luận tinh vi, được người đời tôn trọng, có thể dùng trí tuệ phân biệt các kiến giải. Nếu họ hỏi ta các ý nghĩa thâm sâu mà ta không đáp được thì ta sẽ phụ họ, sẽ sợ họ. Ta nên đáp như sau đây để làm nơi nương tựa, làm bãi đất, làm nhà ở, làm con đường cứu cánh. Nếu người hỏi, ta nên đáp rằng: 'Điều ấy như thế, điều ấy là thật. Điều ấy là khác, điều ấy là không khác. Điều ấy không phải khác cũng không phải không khác.” Đây là kiến giải thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, lại đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có lập luận, có kiến giải như thế này: "Ta không thấy, không biết có đời khác hay không có đời khác. Các Sa-môn5 Bà-la- môn ở thế gian dùng thiên nhãn biết được tâm trí của người khác, thấy được sự việc ở xa, tuy họ ở gan người khác mà người khác không thay họ. Những người như thế thì có thể biết được có đời khác hay không có đời khác. Ta không biết, không thay có đời khác hay không có đời khác. Nêu ta nói thì lời ta là vọng ngữ mà ta thì ghét và sợ vọng ngữ. Ta nên đáp như sau đây để làm nơi nương tựa, làm bãi đất, làm nhà ở9 làm con đường cứu cánh. Nếu có người hỏi ta, ta nên đáp rằng: 'Điều ấy là như thế, điều ấy là thật. Điều ấy là khác, điều ấy là không khác. Điều ấy không phải khác cũng không phải không khác. 5 Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn9 Bà-la-môn do được hỏi khác, đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài.

Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn có lập luận, có kiên giải như thê này: "Ta không biết, không thấy thế nào là thiện, thế nào là bất thiện. Ta không biết, không thấy nói như thế là thiện hay bất thiện. Thế thì ắt ta sanh ra ưa thích, từ ưa thích sanh ra giận ghét. Có ưa thích, có giận ghét thì có cảm thọ. Ta muốn diệt trừ thọ nhận nên xuất gia tu hành, ghét và sợ cảm thọ. Cho nên, ta nên đáp như sau để làm nơi nương tựa, làm bãi đất, làm nhà ở, làm con đường cứu cánh. Nếu được hỏi, ta nên đáp rằng: 'Điều ấy là như thế, điều ấy là thật, điều ấy khác, điều ấy không khác. Điều ấy không phải khác cũng không phải không khác.”' Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn ngu si ám độn. Có người hỏi thì theo lời người hỏi mà đáp rằngê "Điều ấy là như thế, điều ấy là thật. Điều ấy là khác, điều ấy là không khác. Điều

ấy không phải khác cũng không phải không khac7, Đây là kiến giải thứ tư. Các Sam6n, Bà-la-môn do được hỏi khác, đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, hỏi khác, đáp khác. r • JI x r •X - Tát cả đêu gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật là có thể biết chỗ kiến giải ấy, chấp như vậy, giữ như vậy và cũng biết báo ứng như vậy. Điều mà Như Lai biết lại còn vượt hơn thế nữa. Đức Phật tuy biết nhưng không chấp trước. Do không chấp trước nên được tịch diệt, biêt được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiêm của thọ và sự xuất ly khỏi thọ. Do quán bình đẳng mà đạt Vô dư giải thoát, cho nên gọi là Như Lai. Đây là cái quang minh của đại pháp vi diệu, thậm thâm, khiến các đệ tử Thánh hiền tán thán Như Lai một cách bình đẳng chân thật. Lại còn có cái quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu khiến các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đấy là gì? Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương Vô nhân luận bảo rằng: "Thế gian xuất hiện không do từ nguyên nhân nào cả.^, Tất cả đều gồm trong hai kiến giải. Dựa vào bản kiếp bản kiến mà cho rằng "Thế gian xuất hiện không do từ nguyên nhân nao9\ đêu gôm trong hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn ấy vì lý do gì dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trương: "Do từ vô mà sanh ra hữu?” Như thê là gôm trong hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những chúng sanh không có tưởng, không có tri kiên, những chúng sanh đó khởi tưởng thì liền mạng chung, sanh vào cõi thế gian, dần dần khôn lớn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập vào định "Định nhờ định tâm biết được bổn sanh, mới xướng lên rằng: "Ta trước vốn không có, nay bỗng nhiên c6, thế gian này vốn không, nay bỗng nhiên có. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đây là kiên giải thứ nhát. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa

vào bản kiếp bản kiến chủ trương: “C6 là do từ khong?9 Như thế đều gồm trong hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Có những Sa-môn, Bà-la-môn nhờ có tướng trí lanh lợi nên giỏi quán sát, mới dùng trí quan sát lanh lợi đó mà quán sát. Dùng tri kiên mà bảo răng: "Thê gian từ không mà có. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến chủ trương: “C6 do từ không, thê gian này có do từ kh6ng." Như thê đêu gôm trong hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, chủ trương có do từ không. Tất cả đều gồm trong hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có Phật mới hiểu... (như trên). Có những Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, tự ý khởi lên vô số luận thuyết. Tất cả đều gồm trong mười tám kiến giải. Vô số luận thuyết dựa vào bản kiếp bản kiến mà tự ý nêu lên, đều gồm trong mười tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thê hiên... (như trên). Lại còn quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu. Đó là gì? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, tự ý khởi lên vô số luận thuyết. Tát cả đêu gôm trong bôn mươi bôn kiên giải. Vô sô luận thuyêt được tự ý nêu lên từ mạt kiếp mạt kiến, đều gồm trong bốn mươi bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dù với lý do gì dựa vào mạt kiêp mạt kiên, tự ý khởi lên vô số luận thuyết, cũng đều gồm trong bốn mươi bốn kiến giải,

không vượt ra ngoài. Các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiên, chủ trương Hữu tưởng luận, cho răng thê gian là hữu tưởng. Tát cả đêu gôm trong mười sáu kiên giải. Các luận thuyêt Hữu tưởng dựa vào mạt kiêp mạt kiên, bảo răng thế gian là hữu tưởng, đều gồm trong mười sáu kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó, dù lý do gì dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hữu tưởng luận, bảo rằng thế gian là hữu tưởng, đều gồm trong mười sáu kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn bàn luận, kiến giải như thế này: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu sắc Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d§i.” Đó là kiến giải thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hữu tưởng luận, bảo răng thê gian là hữu tưởng, đêu gôm trong mười sáu kiến giải, không vượt ra ngoài. Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô sắc Vô Tưởng; Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Hữu sắc Vô sắc Vô Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối.99 Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh về cõi Phi Hữu sắc Phi Vô sắc Hữu Tưởng chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô Biên Hữu Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i'' Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Biên Hữu Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào

cõi Phi Hữu Biên Phi Vô Biên Hữu Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Thuần Nhất Hữu Lạc Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Thuần Nhất Hữu Khổ Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i'' Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Lạc Hữu Khổ, Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Bất Khổ Bất Lạc, Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Nhất Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Đa Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chét đi, vê sau sanh vào cõi Thiểu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô Lượng Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đó là mười sáu kiến giải mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế gian là hữu tưởng. Tất cả đêu gôm trong mười sáu kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thể hiểu được... (như trên). Lại có quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu. Đó là gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Vô tưởng luận, bảo rằng thế gian là vô tưởng. Những chủ trương đó đều gồm trong tám kiến giải. Chủ trương Vô tưởng luận dựa vào mạt kiếp mạt kiến, đều gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn5 Bà-la-môn kia dù với lý do gi, dựa vào mạt kiếp mạt kiến để chủ trương Vô tưởng luận, cho rằng thế gian là vô tưởng, đều gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó có kiến giải, có luận thuyết: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu sắc Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi

Phi Hữu sắc Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô Biên Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di? về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Biên Vo Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Phi Hữu Biên Phi Vô Biên, Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đó là tám kiên giải mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Vô tưởng luận, cho rằng thế gian là vô tưởng. Những chủ trương đó đều bao gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thể hiểu rõ... (như trên). Lại có sự quang minh khác của đại pháp sâu xa, vi diệu. Đó là gì? Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế gian này là phi tưởng phi phi tưởng. Những chủ trương đó đều gom trong tám kiến giải. Chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng

luận dựa vào mạt kiêp mạt kiên, cho răng thê gian là phi tưởng phi phi tưởng, đều gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia dù với lý do gì, dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế gian này là phi tưởng phi phi tưởng. Những chủ trương đó cũng gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết, kiến giải như: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởn^. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vo Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cối Hữu sắc Vô sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chét di, vê sau sanh vào cõi Phi Huy sắc Phi Vô sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Vô Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Lại có chủ trương: “Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dốiy Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Phi Hữu Biên, Phi Vô Biên Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đó là tám kiến giải. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận, cho rằng thế gian này phi hữu tưởng phi vô tưởng, đều bao gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới hiểu rõ... (như trên). Lại có sự quang minh khác của đại pháp sâu xa, vi diệu. Đó là gì? Có những Sa-môn? Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Đoạn diệt luận, bảo r y y .] ... răng chúng sanh đoạn diệt, không còn gì. Tát cả đêu gôm vào bảy kiên giải. Dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên Đoạn diệt luận, chủ trương rằng chúng sanh đoạn diệt, không còn gì, như thê đêu gôm vào bảy kiên giải, không vượt ra ngoài. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy dùng lý do gì để dựa vào mạt kiếp mạt kiên mà khởi lên Đoạn diệt luận, chủ trương răng: "Chúng sanh đoạn diệt, không còn gi", đêu gôm trong bảy kiên giải, không vượt ra ngoài. Có những Sa-

môn, Bà-la-môn có bàn luận, có kiến giải như the này: "Thân ta gồm tứ dại, lục nhập, được cha mẹ sanh ra, cho bú mớm và nuôi dạy, cho mặc, cho ăn, nuôi lớn, vỗ về, giúp đỡ. Nhưng vì vô thường nên phải tiêu diet/9 Đó gọi là đoạn diệt, đó là kiến giải thứ nhất. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương rằng: "Không nên cho ta nay là đoạn diệt. Ta đoạn diệt ở cõi Dục không còn gi." Đó là đoạn diệt, đó là kiến giải thứ hai. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương: "Đây không phải là đoạn diệt, hóa thân cõi sắc có đầy đủ các căn thì đoạn diệt, không còn gi." Đó là đoạn diệt. Có người chủ trương: “Bây không phải là đoạn diệt. Ta đoạn diệt ở Vô sắc Không Xứ." Có người chủ trương: "Đây không phải là đoạn diệt, ta đoạn diệt ở Vô sắc Thức Xứ." Có người chủ trương: uĐây không phải

là đoạn diệt, ta đoạn diệt ở Vô sắc Bất Dụng Xứ?9 Có người chủ trương: "Đây không phải là đoạn diệt, ta đoạn diệt ở Vô sắc Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ.” Đây là đoạn diệt thứ bảy. Đó là bảy kiến giải mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương rằng loại chúng sanh này đoạn diệt, không còn gì cả. Như thế đều gồm trong bảy kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới hiểu rõ... (như trên). Lại có sự quang minh khác của đại pháp sâu xa, vi diệu. Đó là gì? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, cho răng chúng sanh hiện tại đạt được Niêt-bàn. Chủ trương đó gôm trong năm kiến giải. Chủ trương Hiện tại Niết-bàn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, đều gồm trong năm kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn5 Bà-la-môn kia dù vì lý do gì, dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương chúng sanh đạt được Niêt-bàn trong hiện tại đêu gôm trong năm kiên giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn có kiên giải, có lý luận răng: "Nêu trong hiện tại, ta dứt trừ ngũ dục thì ta được Hiện tại Niếtbàn." Đó là kiến giải thứ nhất. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn bảo rằng: “Dấy là Niết-bàn trong hiện tại. Ngoài ra, không có Niết-bàn ở đâu nữa. Hiện tại Niết-bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta trừ bỏ pháp dục ác, bất thiện, có giác r ĩ CÓ quán, xả ly, sanh hỷ lạc mà nhập Sơ thiên thì đây gọi là Hiện tại NiOt-bàn.” Đó là kiến giải thứ hai. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương rằng: "Dây là Niêt-bàn trong hiện tại, ngoài ra không có Niêt-bàn ở đâu nữa. Hiện tại Niêt- bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta diệt giác, diệt quán, nội hỷ nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc mà nhập vào Nhị thiền thì đấy gọi là Hiện tại Niết-b” Đó là kiến giải thứ ba. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương: “Chi có Niết-bàn trong hiện tại, ngoài ra không có ở đâu nữa. Hiện tại Niết-bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta trừ niệm, xả hỷ5 trú lạc, hộ niệm nhất tâm tự biết cái lạc về thân mà các bậc Hiền thánh đã nói, nhập vào Tam thiền thì đấy gọi là Hiện tại Niết-bàn.^, Đó là kiến giải thứ tư. Lại có các Sa-môn, Bà-la- môn chủ trương: "Chí có Niêt-bàn trong hiện tại, ngoài ra không có Niêt-bàn ở đâu nữa. Hiện tại Niết-bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta diệt lạc, diệt khổ đã cảm thọ, trừ ưu hỷ, không khổ, không lạc, khéo giữ thanh tịnh mà nhập vào Tứ thiền thì đấy gọi là đệ nhất Niết-bàn." Đó là kiến giải thứ năm. Nêu các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên, chủ trương Hiện tại Niêt-bàn luận như thê, đêu gôm trong năm kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức

Phật mới có thể biết được... (như trên). Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiên, tự ý nêu lên vô sô luận thuyêt. Tát cả bao gôm trong bôn mươi bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thể hiểu được các kiến xứ ấy... (như trên).

21. KINH PHẠM ĐỘNG 301

Trên đây là các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, mạt kiêp mạt kiên, tùy ý khởi lên vô sô luận thuyêt, đêu gồm trong sáu mươi hai kiên giải. Những luận thuyết dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến mà tùy ý khởi lên đó? đều gồm trong sáu mươi hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới hiểu được kiến xứ này... (như trên). Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương Thường luận, cho rằng thế gian là thường còn. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia dựa vào trí đời này nên chỉ gôm tín, dục, văn, duyên, giác, kiên, đinh và nhân sai khác Chánh pháp. Do họ dùng trí đời này mà thể hiện khắp nên đấy chỉ là thọ. Từ các luận thuyết trên cho đến Hiện tại Niết-bàn luận cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường luận, cho rằng thế gian là thường còn. Do thọ làm duyên, họ khởi lên tham ái, phát sanh tham ái mà không tự mình giác tri được, bị vướng mắc vào tham ái, bi tham ái chế ngự; cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thê. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, chủ trương Thường luận, cho răng thê gian là thường còn. Họ lây xúc làm điêu kiện; nêu bỏ điều kiện xúc này thì chủ trương kia bất thành; cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiên, tùy ý nêu lên nhiêu kiên giải, luận thuyêt. Tát cả đêu gôm trong sáu mươi hai kiên giải. Những kiên giải, luận thuyêt mà họ tùy ý nêu lên đêu y cứ và tôn tại trong sáu mươi hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Cũng như người đánh cá lành nghề dùng cái lưới có lỗ nhỏ, bao phủ trên cái ao nhỏ thì có thể biết rằng những loài thủy tộc ở trong ao đó, đều bi mắc vào trong lưới, không có chỗ trốn thoát, không thể vượt ra ngoài được. Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng giống như thế. Họ dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến, tùy ý nêu lên vô số kiến giải, luận thuyêt, đêu gôm trong sáu mươi hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Nêu vi Tỳ-kheo đôi với sáu xúc, biêt được một cách như thật sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của sáu xúc và sự xuât ly khỏi sáu xúc, vị Tỳ- kheo đó là tôi thăng. Vượt ra ngoài những kiên giải trên, Như Lai tự biêt sanh tử đã hét. Nhung Ngài có thân là vì muôn độ phước cho trời và người, chứ nêu Ngài không có thân thì trời và người không có nơi nương tựa. Cũng như cây Ta-la bị gãy đầu thì không thể sống lại được, đức Phật cũng thế, đã đoạn trừ sanh tử thì không sanh lại nữa. Khi đức Phật thuyết giảng pháp này, thế giới Đại thiên chấn động theo sáu cách. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng sau đức Phật mà hầu quạt cho Ngài, vạch áo lộ vai phải, quỳ xuống bạch đức Phật rang: Pháp này rất sâu xa, làm sao để gọi tên, làm sao để phụng trì pháp này?

Đức Phật dạy: Này A-nan, nên gọi kinh này là Nghĩa động. Pháp động. Kiến động. Ma động, Phạm động, Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe lời đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.